

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 597/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2023

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1227/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1962 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: XX Hoàng Sa, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đào Văn N, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: XX Hoàng Sa, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở: tổ 22, ấp 4, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 22/8/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh P đăng ký kết hôn với ông Đào Văn N tại UBND phường 21, Quận 3, TP.HCM vào ngày 18/01/1988 (Giấy chứng nhận kết hôn số 225). Trong quá trình sống chung vợ chồng, do tính tình hai bên không hòa hợp, ông N không thương yêu tôn trọng vợ, thường dùng những lời lẽ xúc phạm

làm tổn thương bà P, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn xung đột nhau. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên từ năm 2018 bà P và ông N sống ly thân nhau. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, vợ chồng không còn thương yêu, lo lắng, chia sẻ, quan tâm đến nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung gồm: Đào Văn P, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) và Đào Thị Minh T, sinh năm 1989 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Đào Văn N nên đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn ông Đào Văn N cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.HCM thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bà Nguyễn Thị Minh P (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Đào Văn N (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông N.

[3] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa cho thấy Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định do Bộ Luật Tố tụng dân sự quy định. Bà Nguyễn Thị Minh P (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Đào Văn N (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt bà P và ông N là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh P và ông Đào Văn N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường 21, Quận 3, TP.HCM vào ngày 18/01/1988 (Giấy chứng nhận kết hôn số 225), do đó hôn nhân của bà P và ông N là hôn nhân hợp pháp. Nay bà P yêu cầu ly hôn ông N nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết.

Bà P trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng, do tính tình hai bên không hòa hợp, ông N không tôn trọng vợ, thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm gây tổn thương bà P dẫn đến đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, gây ảnh hưởng đến tâm lý của bà P. Hiện nay giữa bà P và ông N đã sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống, không còn chia sẻ, quan tâm đến nhau. Bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện, bà P không thể tiếp tục sống chung vợ chồng với ông N.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, qua các lần Tòa án hòa giải cho ông N thời gian để tạo sự hàn gắn, níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng ông N đã không có mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, điều đó thể hiện ông N không có phương hướng, biện pháp và thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, ông N đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, xét thấy giữa bà P và ông N không còn tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Hiện nay mâu thuẫn giữa bà P và ông N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không ai thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình nên yêu cầu ly hôn của Bà P là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà P và ông N có 02 con chung gồm: Đào Văn P, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) và Đào Thị Minh T, sinh năm 1989 (đã trưởng thành).

[6] Về tài sản chung: Bà P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 238 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009; Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị Minh P và ông Đào Văn N.

2/. Về con chung: Bà P và ông N có 02 con chung gồm: Đào Văn P, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) và Đào Thị Minh T, sinh năm 1989 (đã trưởng thành).

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/. Án phí HNGĐ sơ thẩm: theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Minh P sinh năm 1962 nên theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Bà P được miễn toàn bộ án phí.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh P 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2022/0014798 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5/. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND Phường 21, Quận 3, TP.HCM;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh